

CHƯƠNG SÁU

TẬP TỤC TANG MA VÀ HỒ ĐƯA LINH

“*Sinh, lão, bệnh, tử*” đây là quy luật tự nhiên đối với một đời người. Khi có người qua đời là có lễ tiễn đưa gọi tắt là việc tang. Từ đó có các nghi lễ theo thứ tự thời gian, dù giữ lại trong nhà dài ngày hay ngắn ngày đều phải tiến hành đủ các lễ. Xét một việc tang bình thường cho người già trong làng, đây là những thủ tục cần phải có.

Chết ! Xem như đã khép lại một vòng đời !

Sau khi người đã quá cố, liền đó có tục đắp mặt người chết bằng một tờ giấy trắng hoặc tờ vàng bạc. Phía đầu giường có kê một cái ghế, trên đặt một cái khay, trong khay có một đèn dầu (xưa đèn dầu mù u hoặc dầu phụng), 3 nắm cơm, 1 trứng gà đã chín xén làm 3 phần¹. Tất cả bỏ trong đĩa. Tục như thế gọi là xông đầu.

Xong, cắt cử người thân thuộc túc trực chung quanh thi hài, không để cho mèo nhảy ngang qua người (nhất là mèo mun-linh miêu). Người Quảng tin rằng khi mèo nhảy qua, thi hài tự dung chồm dậy, muốn thi hài nằm xuống phải dùng đòn gánh đánh sau lưng người chết mới yên được. Xét về mặt nào

¹ Ba phần tượng trưng cho Trời-Đất-Người, tức Thái cực. Trứng là mầm, đôi đũa là lưỡng nghi.

đó, có thể có điện trường trong cơ thể người chết nên xảy ra hiện tượng trên. Từ quan niệm dân gian này, trong sinh hoạt thường ngày rất hiếm những trường hợp dùng đòn gánh đánh vào một người nào đó. Mặt khác, sau khi có người qua đời, người nhà liền thông báo cho bà con thân thích biết mà về “cư tang thọ chế”.

Căn cứ vào thuyết âm dương, ngũ hành để giải thích tục xông đầu, ngày nay xét lại vẫn không có căn cứ nên không hợp với thời đại. Tuy vậy, người dân xứ Quảng cứ lặp đi lặp lại thành quen, đã trở thành phổ biến, mặc dầu xã hội đã tiến bộ có thể nhìn nhận thực tế khách quan rằng tục như thế rất phiền phức trong các cuộc tang, nhưng vẫn còn thực hiện theo cách “xưa bầy nay bắt chước”.

Đối với làng xã, gia đình có người chết phải có “*miếng trầu mở đầu câu chuyện*”, dùng hộp trầu chén rượu báo với chính quyền sở tại (cụ thể là lý trưởng của làng) để biết và xin làng lo liệu giúp, đồng thời xin đất để chôn cất. Xem ngày giờ chết để biết mà định ra những thủ tục lễ nghi thực hiện cho đúng (tuỳ theo tuổi, tháng, ngày, giờ mà định ra lễ, cái gì bỏ, cái gì tiến hành và tiến hành đến đâu) phong tục của làng. Người trưởng tộc không được trái lệ làng. Mặt khác căn cứ vào đó người ta tính xem “hồn sư” sẽ xuất vào giờ nào, hướng nào, lại cũng đoán rằng “hồn sư” đi trầm hay đi bổng. Kế là chọn ngày mai táng. Nếu chết đã ba ngày trở lên thì không cần chọn ngày giờ chôn, trường hợp như vậy gọi là “tam nhật thừa hung”. Trong lần chọn lựa này, người ta xem ngày giờ tắm liệm, làng nhập án, giờ thành phục (thọ tang), ngày giờ đội âm công đến trình diện, giờ triệt linh sà, phát dẫn (đưa quan tài

ra), lễ an táng. Tất cả ngày giờ trên phải trình cho địa phương (làng) biết cụ thể, đồng thời xin làng chữ “Triệu”² và mời làng đến dự chứng kiến, ghi nhận.

Xem vào người chết, căn cứ các điều kiện ứng với người quá cố, người ta còn quả quyết rằng chết có bị trùng tang hay trùng nhứt hay thiên địa trùng thì phải mời người am hiểu lý số, phù thủy làm thủ tục “im trùng”. Những gia đình theo đạo Phật có *“lễ làm chay vừa dung hợp cả nghi thức Phật giáo và nghi thức Lão giáo. Trên tế đàn, vị thứ nhất thì bày tượng tam bảo³, rồi đến tượng tam phủ⁴ ở hai bên là tranh thập điện; ở giữa còn có tượng hiền Quan, tượng Thành Hoàng cùng tượng Di Đà... ”*⁵. Bởi theo quan niệm dân gian xứ Quảng, khi chết mà gặp trùng thì bất cứ trùng nào cũng hệ trọng cả. Không có chứng cứ nào có thể đo đếm được trong quan niệm này, song đây là một tục lệ rất cổ xưa-cũng có thể là cổ hủ- thế nhưng cho đến nay bất cứ một việc tang nào cũng bắt đầu trước hết vào những xem xét mang yếu tố tâm linh có liên quan đến người chết và người sống trong một gia đình trước khi làm các thủ tục chôn cất (?) hoặc sau chôn cất có thủ tục làm chay rất phiền phức, có lễ cầu phật xin phổ độ, lễ tam phủ xin xá tội, lễ cầu vong gọi hồn người chết về, lễ phá cửa ngục giải thoát cho vong hồn có tội, lễ giải oan cắt đoạn để trừ mối oan ức của những hồn bất đắc kỳ tử, cùng lễ phóng sinh phóng đặng để

² Nói chữ Triệu nhưng thật ra đó là một câu dài ghi tên tuổi (tên húy) do làng đặt sau khi chết, ghi quê quán, tên vợ (chồng) tộc họ gì chết, chết khi được mấy tuổi.

³ Phật, pháp, tăng.

⁴ Thiên phủ, địa phủ, thủy phủ.

⁵ **Việt Nam văn hoá sử cương** – Đào Duy Anh - Nxb VHNT Hn. Tr 243.

mua phúc quả.⁶ Trước đây, trong *Hương đảng điều lệ* của vua Gia Long cũng đã chống việc mê tín trong tập tục ma chay: “*Sách Truyện nói: Say mê dị đoan, chỉ hại mà thôi*”... “*Gần đây có kẻ tính việc kết phát, nhẹ dạ nghe lời thầy địa lý, sáng chôn chiều bói, di cải không thường, tấm lòng thương xót không còn gì nữa...Thói tệ ấy cần phải răn dỗi. Từ nay về sau nhà dân như có việc chôn, thì chỗ đất để mồ không cần phải tìm long mạch để cầu kết phát...*”⁷.

1. Các lễ trong tập tục ma chay:

1.1. Cáo triệu tổ:

Trước khi tiến hành nghi lễ này, gia đình có người mất dùng một tờ vàng mã dán trên bức sáo treo trước bàn thờ tiên tổ để biểu lộ rằng cách biệt âm dương, chưa báo cho tổ tiên biết trong gia đình đang có người qua đời. Lễ triệu tổ chỉ dùng trà cau rượu, hương, đăng báo với ông bà tiên tổ rằng nhà có người chết, từ đó ông bà biết mà giúp đỡ. Sau lễ triệu tổ, gỡ tờ vàng mã xuống nhưng tấm sáo vẫn phải phủ kín nơi thờ tự. Mang quan tài vào đặt giữa nhà, đầu quay ra ngoài, như thế

⁶ Theo quan sát một số nơi ở Quảng Nam-Đà Nẵng, dân gian im trùng trong tục ma chay: Cách thứ nhất: dùng một tờ lịch lục giáp đắp lên mặt người chết trước khi tẩm liệm. Trên tờ lịch dùng hương châm thắp tinh (sao Bắc đẩu) và đọc phù chú: “Nhứt ngũ thất trực như huyền, nhị tứ lục diệc tam biên”. Cách thứ hai: dùng một hòm bằng gỗ cây vông (gỗ cây vông xem là trừ được tà ma), (0,3 x 0.3), một tờ vàng mã, trên tờ giấy này này phù thủy viết bằng màu đỏ, tùy theo tháng chết mà viết. Ví dụ chết tháng 3 thì viết “lục tân thiên khởi”. Trong 12 tháng, mỗi tháng dùng 4 chữ không trùng. Viết xong đặt giấy vàng mã vào hòm, bó chặt, mang hòm đặt lên trên quan tài và cùng chôn như thế. Quan niệm dân gian như vậy không có chứng cứ, tức gọi là dị đoan, thực hành rất phiền phức, song nay vẫn chưa bỏ hẳn, đôi khi vẫn còn sử dụng trong tập tục ma chay.

⁷ Xem: **Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang ở Đà Nẵng** – Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng. Nxb Đà Nẵng 2000. Tr 35-36.

người xứ Quảng quan niệm rằng đầu quay ra ngoài để người chết còn về nhà được vì lúc di quan đi có thể ngược nhìn lại nhà cửa của mình.

Trước giờ làng nhập án (VVH)



Đến giờ tâm liệm, tang chủ mời một vị chuyên làm việc sửa soạn cho người chết trước khi đưa vào quan tài. Người ta

dùng rượu làm sạch thi thể, sửa lại tư thế nằm ngay ngắn, hai tay duỗi thẳng theo thân mình, thay áo quần khác vào. Những người thân trong gia đình nếu gặp phải xung khắc được khuyên rằng không nên đến gần thi hài ngay trong giờ tâm liệm e hung thần vương phải mà sinh bệnh.

Bộ đồ “ma” thường có gối, mũ đỏ, yếm nhĩ, miếng chần cổ (hình trăng lưỡi liềm, có chứa đất), hai miếng đắp mắt tròn (chứa đất), tấc, và áo quần màu trắng.

Khi tâm liệm, người ta bó chân tay thẳng với thân mình, hai ngón chân cái cột bằng vải trắng sát nhau cho chân được thẳng theo phương đứng. Lúc này vị tâm liệm thay tờ giấy đắp mặt bằng tờ giấy vàng mã khác có chám thất tinh. Kế, bỏ vào miệng người chết 7 hạt gạo nếu là đàn ông, 9 hạt và một miếng trầu cau nếu là đàn bà, con gái. Nay, người Quảng không phải bỏ gì nữa cả.

Trước khi đưa vào quan tài, có 6 người dùng dây bằng vải trắng lồng ngang dưới thân mình ở 3 vị trí: vai, thắt lưng và chân. Đầu có một người nâng. Sáu người này khiêng thi hài ra khỏi giường, đến bên quan tài hạ thổ 3 lần, cách mặt đất 1 dm, mỗi lần hạ thổ vị chủ sự tâm liệm đọc: “Ăn của thổ hoàn lại thổ”, xong lần thứ 3 đưa vào quan tài, 3 sợi dây dùng để khiêng sắp dọc theo thân mình. Đắp tờ giấy có chám thất tinh lên mặt, nhà giàu thường dùng vải điều, vải trắng quấn người chết lại và cho đất (cát trắng) vào, nhà nghèo thì dùng giấy thường. Đậy nắp quan lại, thắp hai cây đèn sáp màu trắng ở hai đầu, dưới quan tài người ta cẩn thận thắp một ngọn đèn dầu phụng.

1.2. Lễ nhập án:

Lễ nhập án có thể tìm thấy được nét giống nhau giữa hai thế giới hữu thực và vô thực. Nếu ở thế giới hiện thực báo với làng, chính quyền sở tại khi trong làng có người mất nhằm xin ý kiến của chính quyền cho mai táng sau khi đã xem xét sinh thuận tử an, không có những uẩn khúc gì trong cái chết thì với lực lượng siêu nhiên không thực, người nhà phải nhờ đến làng đại diện cho gia đình có người qua đời cáo với thần Thành hoàng bốn xứ của làng, các vị tiên hiền, tiên bôì của địa phương rằng gia chủ có người chết, xin được báo cáo và xin tiến hành các thủ tục tang ma. Lễ có chánh bái do làng cử ra dùng trầu-cau-rượu hương đăng, hoa quả đặt ngay giữa sân xin động thần khởi cỗ (khởi chiêng trống). Tức làng đã công nhận sinh thuận tử an và cho làm các thủ tục an táng. Từ thời điểm này về sau người chết được xem như người thiên cô, hương đèn được phép thắp lên để tưởng niệm.

Sau lễ nhập án là đặt linh sà, tức tạm thời đặt bàn thờ (xưa gọi là giường thờ) người quá cố trong những ngày tang lễ. Ngày xưa chưa có bàn, người ta đóng giường bằng tre như giường lèo, chân cao để thờ, do vậy, nay về một số nơi vùng quê xứ Quảng vẫn còn gọi nơi thờ tự là giường thờ. Tuy nhiên những cỗ lệ như hồn bạch, minh tinh, linh sàng, lễ triêu tịch điện, rước hồn bạch ở linh sàng ra linh toạ, rồi lại rước từ linh toạ vào linh sàng như trong điển lệ đã được người Quảng bỏ từ lâu cho phù hợp với cơ sở thực tiễn cuộc sống đặt ra.

1.3. Lễ thành phục:

Vào thời điểm này tiến hành ngay sau làng nhập án, người tộc trưởng đứng bên giường thờ phân phát áo, khăn tang đến cho mỗi người thứ tự trước sau theo thứ bậc, từ vợ (chồng) con cháu đến chác... với người quá cố từ cao đến thấp. Nhận xong khăn hoặc áo, xem như từ lúc này đã thọ tang người mất. (Theo tập tục và cũng theo Thọ Mai Gia Lễ, người thọ tang lạy hai lạy –chưa chôn). Từ lúc thọ tang đến chôn cất đâu vào đây, những người thân thường kiêng nói năng, hoặc khi giao tiếp thường dùng khăn tang che miệng lại, nếu không thể e rằng người ngoài cho là không có hiếu với người quá cố, lại không hợp vệ sinh. Như thế tức là đã “cư tang thọ chế” rồi.



Lễ thành phục (VVH)

Ở xứ Quảng tùy theo mỗi vùng đến nay vẫn còn duy trì tập tục nếu người mất mà cha mẹ còn sống, chú bác ruột còn sống thì người mất phải được quần một khăn chế trắng lúc tắm

liệm. Như thế có ý rằng mặc dầu mất trước nhưng cũng phải thọ tang thế hệ trên theo điển lệ mà không phải miễn trừ.

Điển lệ nói ở đây chính là *Thọ Mai Gia Lễ* do Hải Thượng Đường Trung Hồng Lô tự Tụ ban Thọ Mai Cư sỹ Hồ Gia Tân tập soạn.⁸ Đây là một tác phẩm soạn lại cho dễ hiểu, dễ thực hành tập tục mà từ trước (sau thời Lê Thánh Tông, khi Nho học được truyền bá ráo riết bằng các biện pháp hành chính thì các quy chế về nghi lễ theo kinh điển Nho gia đã bắt rễ vào đời sống xã hội), là một tác phẩm nói về việc tang lễ, từ rất lâu đã có ảnh hưởng sâu sắc vào xã hội Việt Nam, đặc biệt ở đồng bằng Bắc bộ. Tuy thế các điển lệ Nho gia này khi đưa vào đời sống xã hội gặp phải sức đề kháng của các yếu tố bản địa trong dân gian nên làm nảy sinh nhiều phiền phức trong đời sống tâm linh, nhất là những nghi thức có tính xã hội cao như việc tang, việc cưới... Người xứ Quảng (trước là Thanh -Nghệ -Tĩnh) đã tiếp thu và trên đường di cư vào Nam thời Lê theo chủ trương khai phá đất đai, đã không đủ sức gánh theo đầy đủ những kiến thức có trong Thọ Mai Gia Lễ nên phần nhiều đã gởi lại quê nhà, chỉ mang theo trong ký ức những gì dễ nhớ, dễ thuộc và dễ thực hành ở miền đất lạ. Thế nên những điển lệ về việc tang thực hành trong tập tục tang ma xứ Quảng, đã lược bỏ ra ngoài điển lệ nhiều nghi lễ có trong Thọ Mai.⁹

“Cho đến những năm gần đây, Thọ Mai được dịch sang quốc ngữ và bày bán khắp nơi, điều đó cho thấy đây là tác

⁸ Xem: **Ai soạn Thọ Mai Gia Lễ** - Trần Thị Kim Anh, viện nghiên cứu Hán Nôm- T/c *Nguồn sáng dân gian*-Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam- số 1.2003. Tr 61-62.

⁹ Xem phần dịch ra tiếng Việt trong sách **Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang ở Đà Nẵng**- Nxb Đà Nẵng 2000. Phụ lục Tr 160.

phẩm mang tính phổ biến và thiết thực, có những giá trị nhất định về văn hoá xã hội, đáng được quan tâm nghiên cứu. Nội dung của Thọ Mai bao gồm hai phần: phần chính văn và phần phụ lục. Phần chính văn là toàn bộ nội dung về *nghi thức tang lễ*, kể từ lúc người chết tắt thở đến lúc mãn tang ba năm. Phần phụ lục gồm các nghi lễ như: *Hôn lễ theo Chu lễ; Nghi tiết tế thần (Lễ quán tẩy, Bày bài vị, Cử soát lễ vật); Văn tế Tư hồng Nguyệt lão; Văn cúng sao; Văn tế bách nghệ tiên sư; Văn tế Thần Nông và các lễ Hạ điền, Thượng điền, Thường tân; Văn cúng Ông Táo*, đều là các vấn đề rất thiết thực đối với tình hình văn hoá xã hội đương thời.”¹⁰

1.4. Lễ khai sơn:

Lễ này do làng có người qua đời xin đất chôn cất chủ trì, vị bồi bái do làng cử đến thực hiện nghi thức lễ. Lễ vật do nhà tang chủ sắm mang đến nơi đất chôn được cho là tốt, có long mạch được mọi người bằng lòng ưng ý. Xét từ xưa, cách đây 474 năm dưới thời Lê Trung hưng, “*năm Canh thân thứ V (1631) niên hiệu Vĩnh trị, mùa thu, tháng chín đã có lệnh rằng: Tính mạng của người ta đều do ở trời, hoặc người nào có bệnh tật, nên mời thầy thuốc chữa cho; chứ không nên nghe bậy tà thuật của thầy địa lý và đồng cốt, phù thủy, nói bậy những sự kết phát về mồ mả, mà khai quật mồ mả tổ tiên để thương tổn mất phong hoá*”.¹¹ Lễ tiến hành cúng vị thần chưởng vùng đất, chưởng gò đồi gọi chung là xứ đất xin được động thổ đào huyệt. Khi tiến hành qua 3 lần lễ (3 tuần rươi), vị bồi bái của

¹⁰ Theo: Trần Thị Kim Anh - *Ai soạn Thọ Mai Gia Lễ* . T/c đd. Tr 62.

¹¹ *Lê triều chiếu lệnh thiện chính* - quyển 3 bộ Lễ - TS Nguyễn Sỹ Giác phiên âm và dịch nghĩa – Nhà in Bình Minh xuất bản, Sài Gòn 1961. Tr 331.

làng đích thân đào xuống đáy 3 lát cuốc ở 3 vị trí: đầu, giữa và chân. Chuẩn bị cho 3 lát cuốc, vị bồi bái chọn hướng sanh sát và đại lợi để được yên mới đào. Nay việc này, người xứ Quảng phần đông không tiến hành như quy định mà họ đã có phần nhẹ nhàng, đơn giản hơn. Lễ vật dùng trong nghi thức khai sơn gồm: hoa quả, hương đèn, trầu cau rượu là đủ không cầu kỳ gì thêm. Lễ xong chủ nhà không mang về nhà mà gửi lại cho những người đào huyết sử dụng.

Ngay tại gia đình có việc tang, các lễ cúng như cúng cơm, tế lễ, đọc văn ai, phúng điệu do gia chủ, tộc họ, làng muốn cúng vào giờ nào trong ngày cũng được khi đã được làng cho phép. Đây là một biểu hiện của tục lệ mỗi làng.



Lễ cúng cơm (VVH)

1.5. Lễ trình diện:

Là lúc đội âm công của làng tức dân đình, chuẩn bị khiêng áo quan đến nơi chôn cất vào trình diện. Đội vào trình mặt gọi là lễ trình diện. Đội đặt dưới sự điều khiển của vị Tổng sinh, có sự trợ giúp của 4 vị đầu roi. Sau phần trình diện, đội tiến hành tập ngay tại sân nhà tang, nhịp nhàng động tác theo điệu Hò đưa linh.

Hò đưa linh là điệu hò được người dân vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên -Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi vào đến tận Cà

Mau sáng tác nhằm mục đích đưa linh cữu người quá cố về nơi an nghỉ cuối cùng, lại cũng có hò đưa linh vào những lần đưa “hài cốt” cá ông – cá mập - về nơi chôn cất, hò đưa linh cá ông gọi là *hò Bã trạo* hoặc còn gọi *hò chèo đưa linh*. Ở Quảng Nam – Đà Nẵng không nằm ngoài phạm vi các tập tục chung đó. Có điều, tùy theo hoàn cảnh mà lời hò có khác.

Xưa, đến xứ Quảng gặp một lễ tang, ta chỉ thấy những nhà giàu có như ông Hương, Lý, Chánh tổng trong làng may ra mới có thể rước gánh hát tuồng đến nhà để cử ai trong lúc di quan đến nơi yên nghỉ. Đưa linh cữu đến nơi chôn cất là đội âm công của làng, đội có đông người, thường xuyên thay nhau khiêng trong lúc di quan, người nào mệt có thể nghỉ. Miền biển gọi những người khiêng quan là *đội tùy*, còn đội hát đưa linh thì đây là một đội tuồng hát điệu *hò Bã trạo* đi hàng đôi trước cỗ quan, tay cầm chèo vừa chèo, vừa hò nhịp nhàng theo động tác dưới sự đánh phách nhịp sinh của ông Tổng sinh (gọi tắt là ông Công). Trên đường đi ra nghĩa địa có khi phải nghỉ từ 1 đến 3 lần, từ làng này sang làng khác cũng có nghỉ chân, những lúc như vậy toàn đội âm công hoặc đội tùy được nghỉ chân, nghỉ vai, lấy sức. Đường đôi gò, mệt nhọc càng tăng. Ngày nay, chôn thi thành phương tiện di quan có thể bằng xe cộ nhanh chóng việc khiêng quan đã không thể tiến hành được vì đường xa, song đội âm công vẫn còn tồn tại. Thêm, có đội nhạc cổ-nay không còn phường bát âm- như trước nữa, song các nhạc khí gồm trống con, chiêng, thanh la, đờn nhị, kèn, đờn phím lõm... tấu lên cùng với tiếng khóc của những người thân thuộc tiếc người quá cố làm cho một lễ tang mang sắc thái thê lương, nhuộm màu thương tiếc. Tuy thế, vẫn toát lên

tinh thần về một cái bi đầy tinh thần nhân đạo cao cả, thấm đượm tình người. Có thể tìm thấy được hò đưa linh:

*Cỗ quan còn quàng tại nhà
(VVH)*



*-Đệ bàn hương án (ư ừ)
nén hương(ư ừ) xông(ư
hồ)*

*(Hò hò) đưa linh,(ư ừ ư
ừ) đưa linh (i)lên đường
Gió (i) mịt mù trời thu
ảm đạm(ư ừ ư ừ ừ ừ ừ
ư)*

*Để (i) quan tài hoài
thảm,(i) hoài thương*

(Hò hò) đưa linh, (ừ ừ ừ) đưa linh (i)lên đường(ư ừ ừ ừ ừ).¹²

hoặc: - *(Hò hò) đưa linh cho linh yên mồ*

*Ơn sâu tựa biển, ơn khôn xiết kể (ừ ừ ừ ừ ừ) cho linh phản
hồi.*

hoặc: - *(Hò hò) đưa linh (hum hừ hừ) A đưa linh ai
phản (ơ) hồi.*

Ai đem chiếc (ư) thuyền lan qua biển bắc,(ư ơ ơ ư ư)

*Không (ơ) cho (a) chim nhận đậu (ư ư) chốn (ơ) non (ơ)
đoài.*

¹² Xem: *Những điệu hò xứ Quảng*- Trần Hồng- Nxb Đà Nẵng, 2005.

*Không (o) cho (o) (o) chim nhận đậu (u a) chón (o) non
(o) đoài.*

(Hò hò) đưa linh (hum hừ hừ)

(A) đưa linh (o) phán (o) hôi.

1.6. Triệt linh sà:

Trước khi đưa quan tài ra, chuẩn bị cho một cuộc đi xa “nhất khứ bất phục phản”, những người có trách nhiệm được phân định từ trước tiến hành dọn dẹp bàn thờ, đưa lư hương ra bàn án thực. Đôi khi bàn án thực được kết bằng lá dừa, cùm rùm như một cái kiệu đủ để đặt lư hương, bài vị người quá cố vào đây, khiêng đi trước quan tài ra nơi chôn cất. Đi theo cùng bàn án thực là những người thân thuộc: con trai trưởng, hoặc cháu đích tôn. Thời nay, trong tập tục ma chay, người Quảng vẫn còn hình thức dùng bàn án thực, đặc biệt là thôn quê, nơi không sử dụng các loại xe chở quan tài ra nghĩa địa, bàn án thực vẫn còn sử dụng như một phương tiện phát dẫn. Con cháu đi theo bàn án thực, nếu cha chết chống gậy tre, mẹ chết chống gậy vông (tre tượng trưng cho phái mạnh, vông tượng trưng cho phái yếu) và đội nón cời đi thụt lùi¹³ theo bàn án thực. Ở xứ Quảng Nam trong thời chống Mỹ xâm lược đã bỏ hẳn tục đội nón cời, chống gậy vông một thời gian dài, mà chỉ bịt khăn tang,, đầu trần, nay lại thấy xuất hiện trở lại trong những đám tang của những gia đình trung lưu, giàu có.

1.7. Lễ phát dẫn:

¹³ Mang ý nghĩa rằng cản trở người thân đi ra nơi chôn cất, tỏ lòng thương tiếc.

Khi khiêng cỗ quan đi gọi là di quan, trong nhà, ngay tại nơi đặt cỗ quan, những người có trách nhiệm thả một cái nồi hoặc cái trã bằng đất nung sao cho gây nên một tiếng động, cốt là làm thức tỉnh phần hồn người đã mất kịp đi theo cùng phần xác đến nơi ở mới. Lúc cỗ quan được mang ra khỏi nhà, người ta tiến hành dọn dẹp rạp trại, bạt lều ngay, nếu không e rằng sẽ ảnh hưởng xấu đến nhà tang. Việc này do lực lượng thanh niên đảm nhận. Về thành tố này có liên quan đến yếu tố siêu nhiên vì người Quảng cũng tin rằng liệu có lực lượng siêu nhiên nào đó muốn ẩn trốn để tiếp tục hãm hại những người còn lại trong nhà chằng? Do thế, việc gây nên tiếng động và tháo dẹp lều trại, trong quan niệm dân gian xứ Quảng nhằm bảo vệ những người trong gia đình, đuổi tà ma ra khỏi nhà. Nay, hình thức này không còn tác dụng khi mà những kiến thức chung về thế giới khách quan, quá trình phát triển biện chứng của sự vật đang phát triển và có ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, họ xử lý lễ phát dẫn nhẹ nhàng, không tin vào các hiện tượng siêu nhiên nữa.

Từ nhà, khiêng cỗ quan đến nơi chôn cất, dù xa gần cũng phải nghỉ ít nhất từ 1 đến 3 lần, nay đường gần nghỉ một chạm (không nghỉ 4 lần). Bà con xa gần, người làng, bạn hữu theo chân đưa tiễn ra nghĩa địa rất đông, họ tạo thành một hàng dài. Một đám tang như vậy đã giảm đi phần nào sự lạnh lùng tẻ nhạt của làng xóm, làm cho mức độ thê lương, buồn nhớ có phần nhẹ bớt. Người ta động viên, an ủi bởi đây là lúc ngặt nghèo nhất, sự cố lớn nhất đối với một gia đình, “*một nhà có việc trăm nhà lo*” là những lúc thế này đây. Chính đó mà tình làng nghĩa xóm có dịp được thắt chặt và củng cố trong sự quan tâm chung của dân làng. Trên đường khiêng cỗ quan ra nghĩa

địa chôn cất, nhà tang còn rải giấy vàng bạc (mả)-nay vài nơi vẫn còn- và có đốt một cây đuốc bằng cây chổi mua ở chợ (chặt từ gò đồi về phơi khô) hoặc bằng hom tranh đã cũ, hoặc bằng nhiều bó hương cột lại thành đuốc.¹⁴ Người xứ Quảng cũng tin rằng như thế người quá cố nương theo ngọn đuốc mà đi cho khỏi lạc. Bởi khi một người chết đi, dân gian vẫn tin rằng hồn người ấy xuất ra khỏi xác lang thang đâu đó chưa về, thế nên có tục hú hồn sau khi người chết đã vài giờ, xưa kia vẫn còn thực hiện. Thời nay tục hú hồn trước khi khâm liệm không còn nữa do kiến thức trong y học đã cung cấp đủ những hiểu biết để xác minh, lý giải một người đã chết đích thực không thể nào sống lại được nên tục hú hồn người chết đã không còn tiến hành như trước đây. Trường hợp người chết tại làng trú quán, muốn mang về chánh quán chôn cất phải che một cái rạp nơi ngõ nhà, đặt cỗ quan vào đấy, tiến hành các lễ tục trước khi chôn cất gọi là tế đồ trung (giữa đường). Thời nay tập tục này đã bỏ.

1.8. Lễ tế đồ trung:

Thời gian di quan ra nơi an táng, đội âm công và Tổng sinh có nghỉ đổi vài một đến ba lần (tuỳ đường gần, xa) và không có lễ nào kèm theo, song nếu an táng nơi làng khác, hoặc quận huyện khác phải có lễ tế đồ trung (giữa đường) mới được vào làng, vào huyện. Sắm sanh cho lễ gồm “hộp tràu chén rượu” là đủ không cầu kỳ gì thêm. Lễ nhằm xin phép

¹⁴ Việc rải vàng bạc trên đường di quan, thời nay xét thấy không có tác dụng gì, lại phiền phức. Hưởng ứng cuộc vận động bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan trong việc cưới, việc tang, lễ hội, người dân xứ Quảng đã bỏ hẳn thành tố này trong tục ma chay. Tuy thế, một vài nơi vẫn còn sử dụng.

thần Thành hoàng bốn xứ và thần Thổ địa chương xứ đất của làng sở tại cho phép được ngang qua hoặc vào làng an táng người quá cố, đồng thời gỡ gắm vong hồn người mất được vào ra xứ đất mà không bị làm khó dễ.

1.9. Lễ hạ rộng:

Đây là thời điểm đúng giờ an táng, chinh cổ được khởi động trở lại, một góc làng lại rền vang âm điệu trầm buồn. Dưới sự điều khiển của vị Tổng sinh hoặc Đội tùy, những dân đình dân tráng của làng đưa cỗ quan xuống huyệt. Chinh cổ nhạc ngừng hẳn. Thế là xong một kiếp người. Không gian sau lúc chinh cổ ngừng hẳn, người theo đưa tang có cảm giác giãn ra nhẹ nhàng hơn. Và từ đây, tất cả những người có mặt trong một cuộc tang, bằng lòng với cả chính mình theo tinh thần “*sinh ký tử quy*”. Trước khi lấp đất, lại phải sửa ngay ngắn theo hướng đã chọn. Bồi bái của làng và hai hương lý kéo dọc tờ triệu trên quan tài, vị bồi bái đọc ba lần, mỗi lần đọc xong lật úp tờ triệu, đọc xong được đốt tại chỗ. Những con cháu, người thân thích, bạn hữu gần xa bỏ 3 nắm đất tiễn đưa xuống cỗ quan, đây là tất cả những gì còn có thể nhìn thấy, sờ nắm được trong thế giới hiện thực cuộc đời. Xong, người ta vái 3 vái và ra về mang theo tiếc thương, hoài niệm. Bộ phận có trách nhiệm còn nán lại lấp đất, đắp mả. Ngày nay, những gia đình khá giả tiến hành xây cất cẩn thận người thân bằng vật liệu xây dựng, kiên cố, hy vọng rằng đây là cái nhà mới của người thân khi về thế giới hư vô như quan niệm dân gian rằng “*sống cái nhà chết cái mồ*” là vậy.

Khi đưa cỗ quan xuống huyệt, các loại đòn khiêng, dây khiêng đều rút về một hướng, quan niệm dân gian xứ Quảng xưa kia cho rằng rút lộn chiều là nghịch. Nghịch sẽ không hay cho những người thân thuộc còn sống và đồng thời cho cả dân trong làng nữa.

Viếng linh (VVH)

Người chết oan (chết đột ngột, không phải vì bệnh hoạn hay già yếu) có tục chôn xong 3 năm phải cải táng. Xưa là thế! Nay, tùy theo vùng cư trú và để



phù hợp với cuộc sống mới nhưng vẫn muốn được an lòng về mặt tâm linh nhằm nhằm sửa soạn cho người thân có được “mồ yên mả đẹp”, xây cất một ngôi mộ tử tế, người ta đào cùng lúc hai huyệt để an táng. Huyệt thứ nhất thực hiện đầy đủ tất cả các thủ tục quy định, sau đó người thân về hết, bộ phận còn lại đưa cỗ quan lên chôn vào huyệt thứ hai và xem như đã cải táng xong đầu đó. Gia đình có tang vẫn tiến hành xây cất kiêng cố ngôi mộ mà không ngại gì nữa. Về việc này trong *Hương đảng điều lệ*, vua Gia Long ban hành đã phê phán: “...sáng chôn, chiều bới di cải không thường, tấm lòng thương xót không còn gì nữa...Thói tệ ấy cần phải răn đời”.

Bàn thờ người mới mất đặt ngay trong nhà ở một vị trí nhất định trong vòng 24 tháng không được di dời, nghĩa là

chưa mãn tan thì không được di chuyển đi nơi khác, trừ những trường hợp không thể không thay đổi, thì đành vậy.

Xưa, người Quảng ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo vào việc tang, những cụ đồ Nho ngày trước thường răn dạy con cháu phải giữ đúng lầy lễ nghĩa, được vậy mới là người có hiếu. Trong sách *Luận ngữ*, Khổng Tử viết: “*Sinh, sự chi dĩ lễ; tử, táng chi dĩ lễ; tế chi dĩ lễ*”¹⁵. Nay, lễ được vận dụng sao cho đúng với cuộc sống mới, làm cho việc tang trang nghiêm, đủ lễ, thích nghi và đầy ý nghĩa trên tinh thần nhân văn cao cả như quy định về *việc cưới, việc tang, lễ hội* trong thời đại ngày nay.

2. Mở cửa mả:

Ba ngày sau khi chôn là làm lễ mở cửa mả. Mở cửa mả có ý nghĩa rằng gọi vong hồn người chết cho vị thần chường xứ đất đai, gò đòi nơi chôn cất, gọi cho vị thần Thành hoàng bản xứ của làng; đồng thời cũng được xem như lễ khánh thành mồ mả vậy.

Trong ba ngày xây đắp mộ người thân, có tục đốt lửa vào mỗi chạng vạng của ngày. Trong quan niệm dân gian xứ Quảng đốt lửa nhằm sưởi ấm người chết, làm cho người chết an lòng do chưa quen với nơi “*cư ngụ mới*”. Đốt lửa ba bữa như thế thì nghỉ. Chủ nhà có tang không đốt được do xa đường có thể thuê mướn ai đó ở gần đốt giúp cho đủ lễ nghi.

¹⁵ *Cha mẹ còn sống thì phụng sự cho hợp lễ, mất rồi thì tống táng cho hợp lễ, cúng tế cho hợp lễ. Luận ngữ*, Thiên II Vi chính - Nguyễn Hiến Lê (chú dịch và giới thiệu). Nxb Văn học Hn 1984. Tr 40.

3. Những kiêng cử trong tục ma chay:

Xưa kia khi có người qua đời, nếu người thân trùng tuổi với người chết, bất luận trai hay gái hoặc dâu, rể mà khi tiến hành khâm liệm đều nên tránh xa. Do quan niệm tương hợp sẽ bị hung thần người chết nhập vào mà sinh bệnh. Hoặc có thể lây bệnh (nếu chết vì bệnh) do trùng hợp về máu huyết... Nay, tập tục này đã được loại bỏ. Lại còn quan niệm rằng không nên đến gần người chết khi đã đắp mặt xong, e rằng sợ hung thần. Muốn đến, trước hết phải đứng xa động giường xong hãy lại gần. Đây cũng là tập tục không có cơ sở thực tiễn, không có căn cứ nên đã loại ra khỏi quan niệm mà đã lâu người xứ Quảng thực hành trong lễ tục tang.

Khi có tang, chưa chôn cất người chết, người thọ tang không nên mang tang chế vào nhà người khác trong vòng 3 ngày. Tuy nhiên sau 3 ngày người ta cũng không muốn mang khăn tang áo chế đến nhà người khác. Không chỉ 3 ngày mà trong vòng 50 ngày sau đó người có tang chế vẫn giữ lệ kiêng cử như thế.

Trong năm có tang chế, vào những ngày Tết cổ truyền, người ta lại kiêng không đi thăm, chúc Tết bất cứ ai không nằm trong trục hệ có tang, nghĩa là trong năm đó họ phải cư tang thọ chế. Tuy thế, không phải đại đa số người Quảng kiêng vậy, vẫn có nơi người ta không cho đây là hệ trọng nữa, có khi họ không để ý đến tục này. Hơn thế, ngày trước người Quảng còn kiêng cử, không thể gần vợ trong vòng 36 tháng, nếu đã có vợ hoặc chồng. Nay đã bỏ. Ông nội, bà nội, cha mẹ chết, con cháu không được cưới vợ trong vòng 3 năm. Nay, tục này

đang dần cải biến cho phù hợp cuộc sống mới, tuy thế có nơi vẫn còn thực hành cưới vợ gả chồng trước khi ông bà, cha mẹ qua đời, tục gọi là cưới “chạy tang”.

Kiên không động đến mộ trong vòng 24 tháng. Lúc tu tạo phần mộ cho ông bà tiên tổ, nhân ngày dầy mả người ta chỉ bỏ 3 lát đất trên mộ đối với những ngôi mộ mới chưa đủ 24 tháng.

4. Những tục lệ khác:

Một làng đang sinh hoạt bình thường, nông tang cày cấy theo vụ mùa, thế nhưng khi có người mất, tin lan nhanh từ đầu làng đến cuối xóm, ai cũng biết. Trên đường đi làm về gặp nhau, họ thường bàn luận về cái chết, về tuổi thọ, về tình cảm một đời đã gắn chặt với sự thịnh suy của làng. Phân vân và thương tiếc. “*Nghĩa tử là nghĩa tận*”, họ lại thể hiện lòng mình bằng tình cảm thăm hỏi nhau. Đặt cái cuốc, cái cày vào hiên nhà, họ nhanh chân bước đến nhà hàng xóm, nơi có một thành viên trong làng của họ đi theo tiếng gọi tổ tiên. Họ viếng thăm, động viên những người còn sống, chia buồn, (phân ưu) với tấm lòng thành kính của mình. Đây là nét đẹp tinh thần trong tập tục tang ma của người Quảng mà không chỉ người Quảng, đây còn là nét đẹp của người Việt nữa.

Liên đó, họ tự nguyện tham gia vào những công việc cho một cuộc tang mong sao làm vơi nỗi buồn cho gia đình có người quá vãng. “*Một nhà có việc trăm nhà lo*” vào lúc này đây, lúc này chính là lúc “*Tối lửa tắt đèn có nhau*”, họ không bỏ mặc mà thể hiện tinh thần của cộng đồng “*Lá lành đùm lá rách*”.

Rồi lại tham gia vào việc tưởng niệm bằng hình thức phúng điệu, thân thì có liễn, đôi trầu- cau- rượu; sơ thì có hương đèn, hoa quả, có khi kèm thêm tiền với tinh thần “*tương thân tương trợ*”. Thời hiện đại, ảnh hưởng theo cách chia buồn của phương Tây, người ta còn có vòng hoa để phân ưu, phần nhiều là những người quá cố có địa vị trong xã hội.

Sau khi chôn cất, có tục làm tuần 7 ngày, 49 ngày, 100 ngày, sau 100 ngày là mãn tang. Tục ở Quảng Nam gọi là mãn khó. Tất cả đã có trong Thọ Mai Gia Lễ nhưng theo thời gian và quá trình phát triển của xã hội, tinh thần các lễ tục trong Thọ Mai đã được tước giản đi rất nhiều cho phù hợp với con người xứ Quảng và với điều kiện tự nhiên nơi vùng đất mới. Nay, nhiều tập tục có trong Gia Lễ xét thấy không còn phù hợp, người Quảng đã loại ra ngoài nghi lễ một cuộc tang, chỉ giữ lại những nghi lễ phù hợp và đã trở thành phổ biến trong cộng đồng người Quảng.¹⁶

Xứ Quảng xưa kia, tập tục ma chay là một trong những tập tục quan trọng do ở chỗ mất người tổn của, lại chuốt lầy không khí u buồn nuôi tiếc dài ngày cho những người thân thuộc. Trong phong tục này, dưới thời các chế độ cũ, nói chung có thành tố phù hợp đi kèm với những thành tố không phù hợp với cuộc sống nhưng khi nói đến phong tục là tìm đến cốt lõi tinh thần, tức tìm cái phù hợp mà thôi: “*thậm chí không phải mỗi cái gì tốt thì mới được gọi là giá trị, mà là những cái*

¹⁶ Xem: **Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang ở Đà Nẵng**- Nxb Đà Nẵng 2000.

phổ biến, cơ bản có nhiều tác dụng hướng dẫn sự nhận định và hướng dẫn sự hành động”¹⁷

Một cuộc tang lễ ở Quảng Nam - Đà Nẵng, nếu lột bỏ những thành tố ngoại lai, làm cho tục ma chay trở nên huyền bí, thì vẫn tìm thấy ở đây truyền thống xa xưa rất đẹp. Cái đẹp ấy chính là cái bi ai đối với người thân đã chết xuất hiện trong tâm hồn người còn sống tạo nên nét thâm mỹ tinh thần. Cái đẹp còn thể hiện ở sự thờ kính chu toàn những người thân thuộc.

5. Đội âm công trong việc tang:

5.1. Trên cạn:

Đội âm công chỉ xuất hiện trong “lễ trình diện” trong một đám tang, ở đây lấy cứ liệu vùng Hoà Vang - Đà Nẵng để khảo sát. Đặc trưng của lễ trình diện là đội âm công. Đội có nhiệm vụ khiêng áo quan và linh xa (nhà ma) đến địa điểm chôn cất và hoàn thành lễ hạ rộng, đội âm công tự giải tán, xem như đã hoàn thành xong sứ mệnh của mình.

“*Sinh ký tử quy*” thể hiện quan niệm dân gian về thế giới quan và nhân sinh quan của người Quảng xưa và cả thời nay nữa. Về, không phải mất mà là ngơi nghỉ. Về, để nối tiếp một cuộc sống dài lâu. Như thế, quan niệm của người Quảng, chết không chỉ đem đến đau buồn mà còn mở ra một thế giới vĩnh hằng.

¹⁷ Trần Văn Giàu - **Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam** - Nxb KHXH, Hn 1980. Tr 50.

Tổng sinh là người điều hành toàn bộ việc khiêng người chết đến địa điểm chôn cất. Tương truyền rằng ngày xưa có một con quỷ không rõ danh tánh, chuyên quấy phá người chết. Nhân lúc có một người dòng dõi quý tộc qua đời, con quỷ biến thành con bạch xà (rắn trắng) đến quán lấy xác và lôi đi. Tổng sinh không trừ khử được bạch xà. Thấy vậy nhà vua phong cho Tổng sinh là tướng “Sơn tinh” nhằm có quyền uy đuổi được bạch xà. Do đó về sau, Tổng sinh thường kẻ mặt nạ hung dữ, oai phong thể hiện trên mặt và trang phục như một võ tướng.

Đội âm công gồm trai tráng trong làng, nhóm họp khi có người chết. Hiệu lệnh nhóm họp là tiếng sênh (thanh la) đánh kép 3 tiếng liền nhau. Chỉ huy đội là Tổng sinh (gọi tắt là ông Tổng) có 4 vị đầu roi giúp đỡ. Gọi là Tổng sinh do hai tay ông Tổng cầm bộ sinh bằng gỗ¹⁸. Khi gõ, sinh vang lên tiếng kêu rất trong, nhọn. Trong dân gian vùng Hoà Vang, âm sắc tiếng sinh được cho là linh thiêng, bình thường người ta dùng hai thanh gỗ hoặc hai con sẻ bằng tre gõ vào nhau, tiếng kêu sắc ngọt được xem là “không nên”. Trong ý thức cá nhân và cộng đồng, đây là điềm hệ trọng, khơi dậy tư duy về một cái chết rập rình đâu đó. Ông đầu roi, tay cầm thanh tre, trên đầu vát tua như một cái hoa, dưới cái hoa ấy, người ta cột một dải vải màu trắng. Đầu roi là người cầm đầu một hàng. Đội âm công quy mô, đúng cách có bốn hàng, do bốn vị đầu roi đi trước hướng dẫn. Số lượng của đội không quy định, phục trang cho đội viên không chặt chẽ, hoàn toàn tự nguyện.

1. Bắt đầu lễ trình diện:

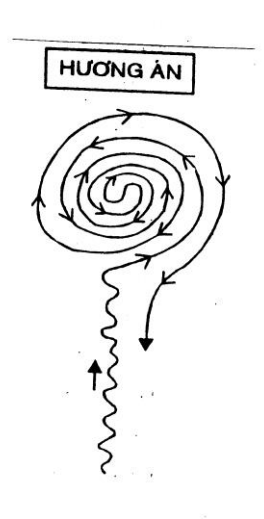
¹⁸ Khác với bộ sinh tiền trong hát sắc bùa.

“*Sống dầu đèn chết kèn trống*”, khi sống không thể thiếu ánh sáng, còn lúc chết không thể thiếu ca nhạc. Cứ hãy xem lúc vào đời bắt đầu bằng tiếng hát ru của mẹ da diết chừng nào thì khi lìa đời lại là tiếng hò bi ai đưa tiễn của xóm làng, chẳng phải da diết nữa mà lúc sầu bi, ai oán, lúc thương tiếc, lúc than thở, lúc bằng lòng an phận. Trong lễ tiễn đưa tiếng khóc được thay bằng lời hò nuôi tiếc đã từ lâu người xứ Quảng không thể nào thiếu được. Đội âm công sẽ thực hiện như một hoạt cảnh đưa linh.

Chủ nhà tang hiểu ra ngõ rước ông Tổng vào (đã trang phục, vẽ mặt như một võ tướng, cách điệu như nghệ thuật kẽ mặt trong nghệ thuật tuồng). Bước từng bước cách điệu trên hàng chiếu bông (hoa), nhẹ nhàng nhưng uy lực. Tổng xưng danh:

“N như ta đây, quê ngụ vùng Sơn động, ngô biểu tự Tổng sinh, thừa lệnh trên cấp tốc bôn trình, xuống trần thế đưa linh cứu về miền cực lạc” (hay Tây trúc, hoặc chốn vĩnh hằng).

Theo sau là đội âm công.



Sơ đồ 1: Lộn đầu xà

Tổng sinh hô: “*Hỡi bốn đội ! (vùng Quảng Huế, Đại Lộc hô: Bốn đội nghe!) Đội tề tu chỉnh túc, hiệu lệnh chớ đơn sai, truyền bốn đội tề lại, đảo án tiền hành lễ*”

Vì tương truyền lai lịch Tổng sinh như trên nên Tổng đưa đội âm công vào theo đội hình lộn đầu xà, sau đó lộn nhật nguyệt (có ý vây chặt).

Sau lộn đầu xà, Tổng sinh đưa toàn đội âm công ra ngõ gõ 3 tiếng sinh, chân Tổng sinh bước nhịp nhàng từng bước nhỏ, toàn đội nhún mình trên hai chân nhịp nhàng tạo nên một hàng dài. Tổng liếc mắt dọc ngang, điệu bộ oai phong (ý chừng xem thử có quỷ nấp quanh đâu đó không!). Yên tâm được, Tổng sinh đưa đội vào trình diện. Điệu bộ dữ hơn, oai phong hơn, đôi mắt lóng lánh hơn, chân nhún nhịp nhàng, hai tay cầm sinh dang rộng. Tổng hô:

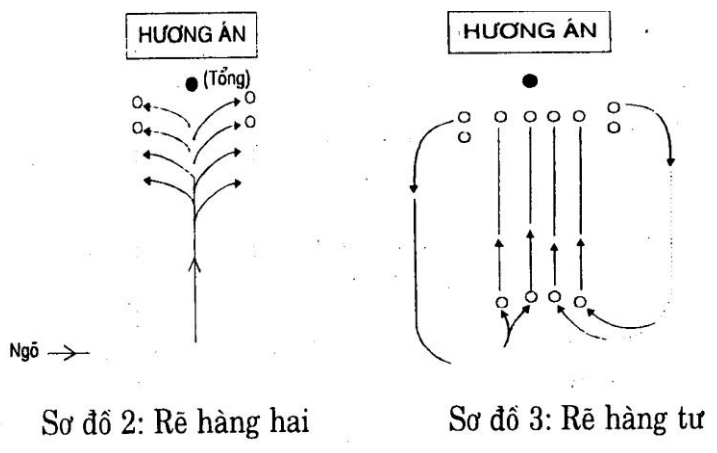
“Hỡi bốn đội ! Lĩnh truyền bốn đội đấng chúc huy hoàng,
đáo án nội ngô hầu trình diện. Nghe!” Đội âm công đồng
thanh “dạ” một tiếng lớn.

Tổng hô tiếp:

“Hỡi bốn đội ! Việc tử sinh kim cô thường tình, sự quy kỳ
giã, tử sanh nhất độ. Nay tử hiếu chủ phụ (mẫu) thân phùng
số, kỳ chí, kiến giá thặng xa. Truyền bốn đội tề lai tựu án tiền
ng nghiêm túc. Nghe.” Toàn đội âm công “dạ” vang một tiếng.

Rẽ hàng hai: Vào trình diện theo đội hình rẽ hàng hai.

Kéo vào theo hàng một, Tổng sinh nhịp nhàng đi trước,
đến trước án đánh hai tiếng sinh, dang hai tay sang hai bên,
mặt quay vào bàn hương án. Sau lưng Tổng sinh, bốn vị đầu
roi rẽ thành hai hàng, theo sau là đội âm công chen xen nhau
xếp thành hai hàng dọc theo hai vị đầu roi. Tổng gõ hai tiếng
sinh, hai đầu roi dẫn hàng quay ra ngoài. Xong kéo lên lần nữa
rẽ hàng tư.



Rẽ hàng tư xong, Tổng sinh nhún nhẹ, bước nhịp nhàng
(nhún nhịp nhàng liên tục cùng với toàn đội), quay mặt nhìn

hàng dọc, hàng ngang kiểm soát đội hình. Xong, hai chân dang rộng, chân phải xuống tẩn, toàn đội đứng nghiêm. Tổng thưa:

“Thưa chính quyền quý cấp, sau thưa cùng họ tộc với nhà tang, nay hương linh đà cõi hạc thặng xa (xương tên làng) đội âm công trình diện.

Tổng xương to, rõ. Sau đó múa may hai tay, lúc dịu dàng, lúc giận dữ:

Than:

*(Chớ) hương linh ông (bà) ơi (xấp)¹⁹
Trước linh cữu hương đấng phụng tiến
Nguyện linh hồn cực lạc tiêu diêu²⁰
Hồn ma bóng quế dập dìu (xấp)
Như anh em ta đây
Tay vin quả phúc, tay trèo non non.*

Nam ai:

¹⁹ **Xấp:** lặp lại lần nữa lời than vãn trước đó.

²⁰ **Hồn:** Theo Đào Duy Anh trong sách **Việt Nam văn hoá sử cương** – Nxb VHNT, Hn 2000. Tr 247-248 - *Hồn là cái linh phụ vào phần khí của người, là phần khinh thanh, người ta chết thì bay lên không; còn phách là cái linh phụ vào phần hình của người, là phần trọng trọc, khi người ta chết thì tiêu xuống đất.* Đàn ông có ba hồn phụ vào tam tiêu (gồm miền miệng trên dạ dày là thượng tiêu, miền giữa dạ dày là trung tiêu, miền trên bàng quang là hạ tiêu) và bảy phách (vía) phụ vào thất khiếu (là bảy cái lỗ trên mặt: hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi và miệng)., đàn bà thì có chín phách (vía) phụ vào cửu khiếu (thất khiếu với hai khiếu: lỗ sinh) Những số mục và vị trí của hồn và phách như thế chỉ thấy ở trong sách đạo giáo chứ dân chúng thì chỉ tin rằng thân thể người ta bất tỉnh thì hồn ấy thoát ra khỏi thân thể trong nhất thời, khi người ta chết thì hồn ấy lìa hẳn xác mà thành ma quỷ. Theo quan niệm phổ thông thì hồn là tinh thần của người chết (đối với người chết thì có lễ phục hồn, lễ gọi hồn), còn phách là tinh thần của người sống (đối với người sống thì có lễ đốt vía những người xấu vía, lệ hú vía những đứa trẻ vì ngã mà đau ốm, lệ gọi vía sống), thực khí và lỗ đít.

*Đoái non nhọn ngậm hòn dương thế (xấp)
(Chớ) Tội lắm hương linh ơi
Chân dò lẩn ngạn liễu, khê mai (xấp)
Vong linh ơi:
Ai làm thái huệ gãy chồi, lở hòn đánh hổ sóng dồi
sông Ngân.*

(Ngày nay, nếu người chết có tham gia kháng chiến, những người có công với làng nước thì thêm):

*Thương (hại) vong linh làm ri đây (xấp)
Lúc thanh xuân gặp thời tao loạn
Lìa gia đình ra gánh vác việc giang sơn
Biết bao phen lặn lội sa trường
Nơi làn bom đạn lạc
Nay hoà bình
Sức yếu về cùng với địa phương
Chung tay xây dựng quê hương
Nay lâm cơn bịnh hoạn
Vong linh đà lìa trần về nơi âm cảnh.*

Tổng sinh gõ hai tiếng sinh, chuyển sang nói lời:

*Hương linh ơi !
Nay hương linh đà ra đi trước
Nẻo hương lân lần lượt theo sau
Biết lấy chi trả thảo cho nhau
Dâng hai lạy đưa người vĩnh biệt.*

Tổng sinh nhìn lại đội âm công rồi quay mặt vào hương án. (Ở đoạn than, nam ai, nói lời này, gia chủ, tộc họ khóc

nhiều, người đi phúng điếu, chia buồn nán lại xem rất đông. Trong việc tang lễ, lễ trình diện được xem là bi ai nhất, lôi cuốn nhiều người trong làng đến, nhất là người có tuổi).

Tổng sinh hô:

“Truyền bốn đội, kính dâng hai lạy. Nghe !”

Âm công “dạ” vang một tiếng. Lạy !

“Một lạy đưa hồn xuống suối vàng”

Lạy xong đứng lên.

Tổng sinh hô:

*“Hương linh ơi
Nay hương linh đi rồi
Xóm vắng hình
Nhà vắng tiếng (xấp)
(Chớ) tội lằm ông (bà) ơi
Hai lạy đưa ngàn thu vĩnh biệt
Xa miền trần gian”*

(Đoạn trên, nếu người chết còn trẻ, là nam), Tổng sinh hô:

*Vong linh ơi
Nhứt nhứt đồng sà chung dạ ái
Nhứt nhứt phu thê bá vạn ân
Chia ly làm ri đây ai chẳng động lòng
Thôi thôi !
Đệ án hương chi sá lênh đênh*

*Cho người biết vị thê báo hiếu
Đò âm dương vội giục
Xe vôn lộ đưa đường
Trách ông xanh sao khéo rẽ phân
Nơi gia nội mai chiều trông vắng vẻ
Thôi ông ơi !
Sanh ký giã tử hệ quy giã
Nhận lạc đường ngồi khóc kêu sương (xấp)
Nhu vợ chồng ông đây (chừ)
Vui bên nhau chưa được bấy nhiêu ngày
Nay chừ (xấp)
Sầu ly biệt kết thành muôn vạn thuở
Đây ông ôi !*

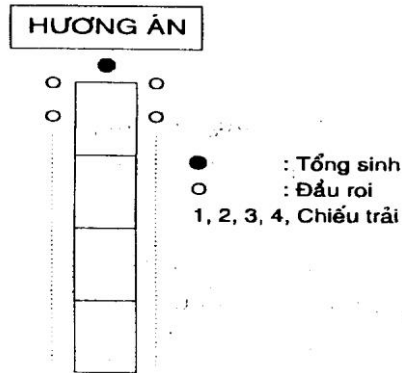
Gõ hai tiếng sinh.

Tổng sinh hô:

*Hỡi bốn đội !
Việc trình diện nay đà thành sự
Tạ chánh quyền các cấp dưới trên
Truyền khinh thân ký túc²¹ hai bên
Nhập hai hàng đồng lai giao diện. Nghe !*

Toàn đội “dạ” vang một tiếng. Sau đó Tổng gõ hai tiếng sinh, đội âm công chuyên đội hình từ hàng tư sang đồng lai giao diện.

²¹ Ký túc: chân đi nhẹ nhàng.



Sơ đồ 4: Đồng lai giao diện

Tang chủ có ý kiến tạ ơn đội âm công. Thường Tổng sinh bằng rượu, trà cau (có nơi đưa tiền để họ uống nước chè xanh, nay thường bằng nước ngọt, thuốc lá, trà cau, bánh chưng). Nói chung là ăn no uống kỹ để khiêng cỗ quan, có khi đường xa phải nghỉ. Theo lệ cỗ, buộc nghỉ 3 lần, chưa kể sang làng khác phải có lễ “tế đồ trung”.

Nhận xong lễ tạ ơn đội âm công, Tổng sinh hô:

*“Hỡi bốn đội !
 Nay tang chủ có lòng báo đáp
 Anh em ta khur tỵ²² phân minh
 Cúi đầu từ linh cứu đấng trình
 Ra ngoài ngõ nghỉ ngơi
 Tới giờ sẽ đáo lai tại sự. Nghe !*

Toàn đội “dạ” một tiếng lớn.

(Vùng Quảng Huế, Đại Lộc vào đoạn này Tổng sinh hô:
Bốn đội nghe !

²² **Khur tỵ:** tập trung lại nghỉ. Uống rượu, ăn trà - Trong lúc “đồng lai giao diện” không thể có cỗ bàn được.

Đội: Dạ !

Trong gia chủ có lòng báo đáp

Ngoài anh em thoả dạ uống ăn. Nghe !²³

Đội: Dạ !)

Đội hình chuẩn bị di chuyển kéo ra thành lồng môt (hàng môt), Tổng sinh hát theo điệu Hồ đưa linh:

Hương linh ơi !

Con khói lửa (có thể là hoàn cảnh nào khác)

Gia đình ông (bà) đùm bọc

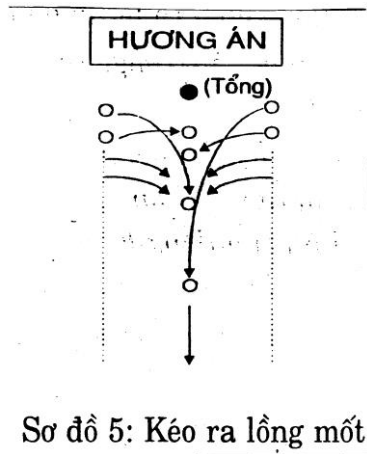
Nay hoà bình ông (bà) không gặng sống ít năm

Để nhắc con, bảo cháu ông ơi !

Lời nhắn nhủ ngàn vàng khôn sánh

Nghĩa sinh thành như hải như sơn.

²³ Vào lúc đồng lai giao diện trước linh sà không thể có cỗ bàn được. Tổng sinh chỉ ước lệ mà thôi.



Sơ đồ 5: Kéo ra lông mốt

Vừa di chuyển đội hình lông mốt, vừa hát:

*Hương linh ơi !
 Hương linh hỡi
 Hương linh hỡi ...là hương...
 Đoạn can trường là đoạn can trường
 Lụy ứa chứa chan
 Mấy thu sang dậm tràng man mác
 Đệ quan tài
 Đệ quan tài
 Hoài cảm hoài thương
 Tiết đảo trung thu (hoặc mùa nào đó)
 Là bỏ tiết ơi ! Tiết ơi !
 Vì ai nên tiếc rẻ
 Lan huệ sầu ai mà vắng vẻ lúc đêm đông
 Kìa ai đó vợ, đây chồng
 Đầu gánh, đầu gông
 Đầu vợ, đầu con
 Kìa ai kêu khóc trên non
 Hay là vợ ông đồ trèo hòn đá vầy
 Đường đi chín tháng mười ngày*

*Thương ai sừng sốt, tay chân rụng rời
Thương anh, em để có nơi
Còn thương ai nữa thời trời đất hay !*

Toàn đội ra ngũ nghỉ, chờ giờ vào di quan.

2. Vào di quan:

Tổng sinh đi trước gõ hai tiếng sinh liên thanh, hai tiếng nhiều lần tạo sự chú ý cho toàn đội âm công.

Tổng sinh nhún nhịp nhàng trên hai chân. Hô:

*Hỡi bốn đội !
Đội tề tu chỉnh túc
Hiệu lệnh chớ đơn sai
Truyền bốn đội tề lai đáo án nội, lễ nghinh
linh cữu. Nghe !*

Đội “dạ”

Kéo vào hai hàng, mỗi hàng một vị đầu roi đi trước. Tổng gõ hai tiếng sinh.

Nam ai:

*Lễ nghinh linh cữu đấng trình
Nghe sinh hiệu lệnh
Nghe sinh nhạc kỳ
Khi vào bái yết linh nhi²⁴
Kính dâng hai chữ tử quy hảo hoàn*

Tổng gõ hai tiếng sinh

Nam:

²⁴ Bái yết quan tài.

*Hò là hò đưa linh, đưa linh, đưa linh
lên đường*

Gió mùa thu (tuỳ mùa mà hát) mịt mù ảm đạm

Đệ quan tài hoài cảm, hoài thương

Hò là hò đưa linh, đưa linh lên đường

Hò là hò đưa linh.

(Tang chủ, tộc họ khóc nhiều vào thời điểm này)

Nam:

Ốc thu sương dẫm trường man mác

Đệ quan tài, hoài cảm, hoài thương

Hò là hò đưa linh, đưa linh lên đường

Hò là hò đưa linh

Đoạn can trường là đoạn can trường

như lụy ứa chứa chan

Hò là hò đưa linh, đưa linh

đưa linh lên đường.

Đưa cỗ quan vào linh xa (nhà ma) hoặc lên xe, Tổng gõ hai tiếng sinh cùng với chiêng trống tạo nên không khí bi ai, không gian trầm lắng, u buồn. (Nếu khiêng linh xa trên vai đội âm công, Tổng sinh đi trước nói lời. Đi xe thì không).

Lối:

Hương linh ơi !

Thức tỉnh dậy mà đi

Dời gót ngọc lên đường thượng lộ

Đặng anh em tôi đây

Vô tay hộ giá quan tài lên nè nhẹ

Từ từ chân bước (gõ sinh)

Nam:

*Từ từ chân bước
Có hiểm nghèo mới hiểu nỗi hiếu trung*

(Tổng sinh gõ một hồi sinh dài lại ba tiếng, linh xa được nhắc lên vai, đi chậm. Tiếng sinh gõ nhấp nhịp hai tiếng liên thanh liên tục, cóc cóc...cóc cóc... Vừa đi, vừa hò đưa linh như đoạn hò đưa linh trên đên nơi chôn cất).

3. Chuẩn bị hạ rộng:



Đầy cỗ quan đến nghĩa trang (VVH)

Tổng sinh hô:
*Hồi bốn đội !
Tử già đáo huyết trung
Anh em nghe lệnh từ từ
xuống kiến. Nghe !*
Đội: Dạ
Tổng hát:
*Hương linh ơi !
Chón sơn trung hương
linh vĩnh viễn ở lại đây
Nơi sơn thượng ký du
hai chữ
Hai chữ siêu phàm*

nhập thánh

Đầu già từ phân mộ dời chừn.

Cổ quan nhẹ nhẹ đưa xuống huyết, cũng là lúc chiêng trống, nhạc cổ và âm sắc tiếng sinh cất lên một hồi dài đến khi cổ quan được đặt gọn trong huyết. Tất cả đều dừng lại, không một âm thanh nào khởi lên lần nữa. Không gian giản ra nhẹ hẫng. Đội âm công đã làm xong nghĩa vụ tự nguyện của mình.

Khi vào động quan trước lúc di quan, Tổng sinh làm dấu bằng cách khoán bùa: tứ tung ngũ hoành (bốn dọc năm ngang) có ý nghĩa nhằm trừ hung thần. Vị trí khoán nơi Tổng sinh đứng, trước hương án. Khoán xong dậm chân phải lên chữ khoán. Miệng đọc chú:

*“Mộc tiến thời lai vô nhiệm họa
Kim nhật dĩ tao phùng
Án ma ni, án ma ni trực đảo đàn trung
Bác rị hộng, bác rị hộng khu trừ trực khứ”.*

Xem thế, một cuộc tang lễ ở vùng Hoà Vang - Đà Nẵng, nếu lột bỏ những yếu tố có chất ngoại lai như hình thức khoán chẳng hạn, làm cho tục ma chay - việc tang - trở nên huyền bí thì vẫn tìm thấy ở đây truyền thống xưa rất đẹp. Giá trị ấy chính là cái bi ai thể hiện phẩm cách nhân bản của con người trong tâm hồn người thân, cá thể và cộng đồng, đây cũng là thẩm mỹ của tinh thần. Cái đẹp còn thể hiện ở tính thờ kính chu đáo những người thân thuộc.

Ngày nay, nhìn về quá khứ của một tang lễ, xét riêng đội âm công trong lễ trình diện có thể nhìn thấy yếu tố tiêu cực cần loại trừ chẳng hạn việc khoán chú, để cho việc tang được trong sáng, lành mạnh. Đó là việc đãi đằng, có khi có cỗ bàn sau khi đội âm công vào trình diện tang chủ. Ở công đoạn này,

nhà giàu có, phú nông nông thôn thường dọn cỗ, heo, trâu, bò linh đình gọi là trả lễ. Trả lễ kiểu này được cho là hiếu đễ với thân nhân đã chết. Âm công ăn uống, Tổng sinh nhận tiền công, nếu hát hay, điệu vũ đạo đẹp, người thân cảm hoài khóc nhiều, Tổng sinh được thưởng lớn. Đây là tiêu cực và tốn kém. Nông thôn là vậy, nhưng không phải lễ tang nào cũng thế. Nhà nghèo Tổng sinh không nhận, nếu nhận cũng phúng điếu trở lại. Đội âm công đề nghị không nhận lễ đãi đằng. Họ tự nguyện và muốn được tự nguyện như thế, bởi chuyện tử sinh ai mà chẳng thế một lần.

Thành thị sẽ không có sân để âm công làm đủ thủ tục cho một chuyến đưa linh như trên. Nhưng cũng cần một đội âm công chừng 20 người để khiêng cỗ quan đặt lên xe và đưa cỗ quan từ xe đến huyệt. Thiết nghĩ thực tế khách quan là phải có đội âm công cả vùng thôn quê lẫn thành thị.

Một thành tố cần loại trừ khỏi đội âm công là “phước” khi dùng cách “khoán”. Khoán theo cách này ảnh hưởng phù thủy (biến tướng qua nhiều công đoạn của Lão Trang). Đọc bài chú và lý do của khoán được giải thích rằng: Tổng sinh vì muốn “hung thần” người chết không nhập được vào người mình nên phải khoán để phòng trừ “vô nhiễm họa”. Dân gian vùng Hoà Vang - Đà Nẵng tin rằng “hung thần” (thần sắc dữ của người chết) sẽ xuất bất ngờ khi động đến cỗ quan và đụng phải người có sự tương hợp về mạng. Người bị “hung thần” sẽ chết hoặc ngã thập tử nhất sinh. Khoán còn do đâu đó trong nhà có con quỷ (như đã trình bày) biến thành bạch xà ngáp ghé muốn ám hại Tổng sinh, do đó Tổng sinh phải khoán. Đây lại là một thành tố phù thủy mang yếu tố tiêu cực. Thực

tế nhiều lễ tang không khoán vẫn không có vấn đề gì xảy ra sau đó. Yếu tố này nhất thiết phải loại ra khỏi “lễ trình diện” của đội âm công. Thêm nữa, dân làng đến chia buồn cùng tang chủ, đến đoạn Tổng sinh khoán họ cũng không hiểu ra sao cả.

Nhìn toàn cảnh đội âm công nổi lên là những điệu hò: khi than vãn, khi hát nam ai, khi nói lối, khi hô, lúc hát theo điệu hò đưa linh truyền thống. Tất cả đan xen nhau cộng với vũ đạo của Tổng sinh cách điệu như trên sân khấu tuồng, tiếng sinh là hiệu lệnh làm cho không khí lễ tang bi ai, cảm hoài, thương tiếc. Lời hát của Tổng sinh tùy theo giới phái, tuổi thọ, theo mùa và vị trí của tang chủ đối với người chết mà chọn hoặc ứng tác lời hò phù hợp.

Khảo sát trên đây chỉ là một mô hình được xem là mẫu cho Tổng sinh và đội âm công. Thực tế diễn biến theo nhiều phương cách khác nhau do sân rộng, hẹp, đội hình triển khai tùy tình hình, có khi có đội ít người, không đủ số, Tổng sinh hò hát... cũng ít hơn. Duy trì đội âm công là cần thiết, đó là bản sắc xưa nay của dân gian vùng Hoà Vang. Hò đưa linh là điệu hò dân ca Khu 5, chỉ dùng để hò khi có việc tang, nếu bỏ, xem như làm mất điệu hò này. Nên chăng lời hát, chữ dùng khi Tổng sinh hát phải là ngôn ngữ thuần Việt, nhằm người nghe hiểu được ngay lời hát mà không phải thông qua giai đoạn “dịch nghĩa”.

Duy trì đội âm công trong tình hình hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là cần thiết cho cả nông thôn lẫn thành thị, Có điều, có phải trả thù lao cho Tổng sinh và toàn đội không ? Không ! Vì đây là việc nhân đạo, kêu gọi tính cộng đồng,

thương yêu nhau, “tôi lửa tắt đèn” có nhau, không phải trả tiền. Phát huy tính tự giác, tự nguyện trong lễ tang đã tạo nên sự đoàn kết, nhất trí trong tổ, thôn xóm. Chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể nên tạo thành lệ ước cho nhân dân về việc này.

Mặc dù xã hội phát triển, nhưng đội âm công chuyên nghiệp thường chỉ có thể có ở thành phố, thị xã, còn vùng nông thôn bao đời vẫn duy trì một cách tự nguyện. Hiệu lệnh tập hợp trai tráng là tiếng sênh (thanh la) giục vang lên khắp các ngã đường làng và sau việc tang họ tự giải tán. Không ai tự nhận vào đội âm công chuyên khiêng người chết là một nghề, ngay cả ông Tổng sinh cũng không phải là “sinh nghề tử nghiệp”.

5.2. Trên sông nước:

Trên, là đội âm công trên cạn, thế còn trên sông nước, người xứ Quảng đưa linh theo điệu hò Bả trạo. Một cuộc hò Bả trạo sau đây dẫn theo Nhạc sỹ Trương Đình Quang trong *Men rượu hồng đào*.²⁸

Nhân vật: 1 lái linh, 1 phách cái, 4 phụ chèo, 4 phách phụ.
Từ phía sau quan tài đi ra, theo lối lộn đường xà²⁹, rẽ làm đôi.

Phách cái: (Nói lối theo phong cách hát bội)

Này anh em, hộ linh cữu anh em lo đèn chạo

Còn các bác, đưa thuyền lan các bác sửa cọc chèo

²⁸ *Men rượu hồng đào* - Trương Đình Quang - Nxb Đà Nẵng 2005. Tr 287.

²⁹ Ngoằn nghèo đường rấn lộn.

Lái linh: Phải đó! Phần chúng tôi cặp lái, giữ lèo (còn) việc các chú gõ sanh nhịp phách.

(Phách cái gõ một hồi ba tiếng, tất cả đứng yên nghiêm túc)

Lái linh: Bớ này anh em bả trạo³⁰
Hãy tạm nghỉ chân tay trong khoảnh khắc
Cùng chia buồn tình cảm chịu đôi nơi
(Có nên không)

4 phụ chèo: Dạ, nên lắm
(Phách cái gõ một hồi sanh lệnh gác mái chèo)

Lái linh: Bây giờ lão muốn bắc thang lên hỏi ông trời
Để cho người ta sống mãi đời đời được không?
(Có được không bả trạo?)

4 phụ chèo: Việc nó không được mô
Rứa là, số càn khôn đã quyết
Lò tạo hoá khôn dò
Ai ai thì cũng một chuyến đò
Người người đã mấy lần qua bến
Bớ bả trạo kia kìa
Mây đen đà kéo đến, sắp phủ kín Sơn Trà
(Vây) phiền bà con cởi trệt áo ra
Rắc buồn lại cho mái chèo mái xấp.
(Phách gõ ba tiếng trống chiến búa, 4 chèo phụ đầu gay mái chèo)

Phách cái: Ôi vong linh ơi !
Hồn nay vẫn an nơi tĩnh thất

³⁰ **Bả trạo:** cầm mái chèo.

Sáng mai đà gác mái linh xa
Tôi xin chúc cho vong linh
Hồn siêu thăng thế giới ta bà
Miền cực lạc tiêu diêu cõi thọ.

(hát nam) Cõi thọ tiêu diêu cực lạc

Thảm thương vì én bắc nhận nam

4 phụ chèo: (hò) Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Lái linh: (hò) Con nhận kêu sương nghe thấm thoát

Cái xà khóc nguyệt luy bi sâu

4 phụ chèo: (hò) Hò đưa linh, đưa linh phản hồi

Phách cái: (hát nam)

Trách hoá công không lường duyên số

Vẽ chi trò lưỡng lộ âm dương

Lái linh: (hát bài nhịp một hát bội)

Ôi thương ôi

Cây trên rừng có cây sống tới ngàn năm

Người dưới thế ít người sống đến ngoài trăm tuổi

Tưởng như đá bỏ buồn có buổi

Hay đâu trời nước là khôn ngăn

Biết lấy chi đắp nghĩa khó khăn

Làm sao được đền ơn tri ngộ

Thời dã, mạng dã, số hê, căn hê

Chôn thiên hương bạn nay đã về quê

Nơi trần tục người chịu bề đau khổ

Bạn thác đó, quê hương còn đó

Cảnh tình đây, chua xót nỗi đây

Đó bao đành cõi hạc chơi mây

Đây tóc tủi đầu tang tóc chế

Ô hô, ai tai, phụ giai, thượng hưởng.

(Đồng thanh vào bài nhịp một)

Xà đông là không sâu tây

Suối vàng xa cách dặm cù

Người đời khác thể bóng trắng thu giữa trời

(Chuyển hò)

Ồ hậy, ắc giàu hậy, dạ đô hò dậy hù khoan, là hù khoan

Lái linh: Lui thuyền khỏi bến Giang Tân

Tất cả: Hù là khoan

Lái linh: Phất phơ buồm liêu

Tất cả: Hù là khoan

Lái linh: Tay lần chèo ba

Tất cả: Hồ hò hổ hụi, hát hụi hò khoan, a lý khoan hò khoan.

Hò đưa linh³¹ được trình diễn như sau:

Dàn nhạc cổ truyền dân tộc³² trỗi lên giọng *Nam ai* và giọng *Xuân nữ*.

Tổng mũi, tay cầm sinh, dẫn đầu đội bả trạo (những tay chèo) đi vào gian nhà có long thuyền đặt quan tài.

Mỗi tay chèo cầm một mái chèo.

Tổng lái đi cuối hàng, tay cũng cầm một mái chèo đặc biệt, dài hơn mái chèo của hàng tay chèo.

Cả đội đi đều đặn, nhịp nhàng, lượn ngoằn ngoèo theo nhịp sinh của Tổng mũi.

Khi tới gần bàn thờ đặt trước quan tài, đội tay chèo từ hàng đôi chuyển thành hàng tư rồi dừng lại.

³¹ Theo *Tìm hiểu sân khấu chèo* của Vũ Khắc Khoan (dựa bản sưu tầm chép tay *Chèo đưa linh* của Phạm Thủy Nhân) Nxb Lửa Thiêng – Sài Gòn tháng 10/1974.

³² Ban đầu có trống chiến, trống cái, trống com, thanh la nhỏ, kèn, sáo. Sau này có thêm đàn cò (nhị), đàn hồ trung, đàn nguyệt.

Tổng mũi tách khỏi đội, tiến đến phía trước rồi tất cả hướng về bàn thờ.

Theo nhịp sinh của Tổng mũi, tất cả tay chèo ngồi xuống theo nhịp sinh khác, tất cả đặt mái chèo xuống đất, rồi đứng dậy.

Xuất *Lưu thuyền* bắt đầu.

(Diễn xuất của đội đều theo phong cách hát bội, từ nói lời, bài, làn điệu đến cử điệu và động tác hình thể có kết hợp với điệu hò khoan)³³

Tổng mũi nói lời điệu nhanh:

Nhạn quy bắc hải
Nguyệt khuất non nam
Mây bạc một vùng trên đỉnh núi
Bóng vàng ngã rui khuất đầu non
Cánh hạt hồn nương theo gió sớm
Cánh nhận gió giục với chiều mây
Thảm thương cho mẫu tử phân tay
Đò tạo hoá sắp bày nhiều đoạn thảm
Nay bà đã vội lìa cõi tạm
Bỏ cháu con trăm thảm ngàn sầu
Cắt can tràng, lệ ngọc thấm bầu
Ta thán đã, ô hô, vĩnh biệt
Nay gặp lúc bà về cõi hạc
Chúng tôi phải ra tuồng bỏ bút dương ba
Tương thuyền lan, bái yết linh hồn bà

³³ Theo ý kiến của nghệ nhân *hò đưa linh* ở Lai Nghi, Thanh Hà (Cẩm Hà, thị xã Hội An) và nghệ nhân hát bội Sáu Lai, Đội Tảo, Ngô Thị Liễu (Quảng Nam); Mạnh Cẩm, Bạch Trúc, Viêt Dung (Huế).

Truyền bả trạo ứng hầu cho tề chỉnh
Bớ bả trạo.

Đội chèo: Dạ

Tổng mũi nói lời đạ nhanh:

Nhất nhân nhất triệu
Chiều diệu hương đăng
Nay bà đã nhắm mắt lìa trần
Vậy thì,
Truyền bả trạo lạy đưa bà ba lạy
Bớ bả trạo

Đội chèo: Dạ

Tổng mũi nói lời rịn:

Chín tháng mang thai đau lòng mẹ
Ba năm giọt sữa khổ mẫu từ
Con nhai cay đắng thương hình mẹ
Canh tàn ru trẻ thảm từ thân
Phận hiếu nhi lòng thảo phải làm đền
Ơn dưỡng sanh con chẳng hề quên
Tình mẫu tử chia ly hai ngã.

Tổng mũi bắt bài nhịp ba:

Hiển đăng ba
Vỗ sinh ca
Nhất bái đưa hồn bà về cõi hạc
Tiêu diêu hồn xuống chốn dạ đài
Nhì bái hồn bà về chín suối

Phiêu diêu cực lạc biệt ngàn thu
Tam bái âm dương lưỡng lộ
Hương hồn lai vãng chốn tây phương.

Ba “bái” đó, tất cả đều phải vái, quỳ xuống đứng lên đúng ba lần.

Tổng lái làm cử điệu truyền lệnh, nói lời:

Vậy thì tiền hậu, trung ương đầy đủ
Đôi bên tả hữu lưỡng toàn
Vậy thì truyền trạo tử lưỡng ban
Hãy sắm sửa gậy chèo cho cẩn thận
Bớ bả trạo

Đội chèo: Dạ

Cùng lúc, hai hàng tay chèo sửa soạn đưa mái chèo theo nhịp sinh của Tổng mũi.

Cả đội chèo nói lời điệu:

Trong linh cửu tân quang đặng hoả
Ngoài chúng tôi phát tiếng trạo ba
Điệu tôi con đâu dám nại hà
Chúng tôi đã gậy chèo một lượt

Tổng mũi nhịp sanh:

Tất cả đứng lên.

Tổng lái hát nam ai:

Một lượt chèo bơi sửa soạn
Đưa linh hồn về cõi hạc tiêu diêu.

*Tổng lái vừa hát vừa quỳ xuống, tất cả quỳ theo.
Tổng mũi nhịp sinh
Rồi đội chèo cùng hò*

Hò đưa linh, đưa linh phản hồi
Tiêu diêu thiên đàng, hò đưa linh

Bắt đầu từ đây, Tổng mũi hát bài giọng *nam ai*, thỉnh thoảng sang giọng *xuân nữ ai*, đội chèo hát nhại lại, vừa hát, vừa làm động tác chèo thuyền (bài này khá dài, khoảng 50 cặp 6-8 thể hiện nỗi nhớ thương người đã mất). Đôi lúc có chen mấy câu hát nam, theo sự sắp xếp của từng đội hò với lời hò.

Hò đưa linh, đưa linh phản hồi
Tiêu diêu thiên đàng, hò đưa linh

Cho đến khi *Tổng lái nói lời điệu*:

Nay thuyền đã tới bến Giang Tân
Thuyền bả trạo nghỉ an giấc điệp
Thì coi như chấm dứt xuất lưu thuyền linh hồn người chết đã tới miền cực lạc. Tất cả nghỉ ngơi, để rồi lại trở về nơi trần thế.
Hò *đưa linh* đi vào phần kết thúc *xuất lưu thuyền*.

Tổng lái nói lời:

Truyền bả trạo kéo neo
Đặng lui thuyền lập tức
Bớ bả trạo

Đội chèo vừa hát vừa kéo neo, rồi họ vừa chèo, vừa hát hò khoan

Chèo quế thuyền lan ra miền Bắc
Đừng có cho con chim nhận đậu chốn non đào
Đề sông giang thọ trường
Viết viết mau mau
Khoan bớ hò khoan
Ta lý tang tình
Là nghề bù hò
Là lý tình tang
Khoan bớ hò khoan !

Điệu hò đưa linh chấm dứt tại đây.